

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 197/2021/HNGĐ-ST

Ngày 23-11-2021

V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Ngọc Dũng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Vinh

Bà Nguyễn Thị Luyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tươi - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

Ngày 23 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 176/2021/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2021 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 321/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Ph, sinh năm 1999; nơi cư trú: Thôn Vĩnh D, xã Trán D, huyện Vĩnh B, thành phố Hải Phòng; vắng mặt, đề nghị xét xử vắng mặt;

- *Bị đơn:* Anh Hwang Yun J, sinh năm 1974; nơi cư trú: 237 Sa, Dong-gu I, Hàn Quốc; vắng mặt, đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai nguyên đơn chị Trần Thị Ph trình bày:

Chị và anh Hwang Yun J kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh B, thành phố Hải Phòng vào ngày 26 tháng 6 năm 2018. Sau khi kết hôn, chị có sang Hàn Quốc và chung sống cùng anh Hwang Yun J được một thời gian thì vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không quan tâm và chia sẻ với nhau nên thường xảy ra cãi vã. Đến đầu năm 2019, chị về Việt Nam và từ đó anh chị đã sống ly thân, vợ chồng không còn liên lạc với nhau nữa. Nay, chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn giữa chị và anh Hwang Yun J đã trầm trọng, không có khả năng đoàn tụ nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hwang Yun J.

Về con chung: Chị và anh Hwang Yun J không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị và anh Hwang Yun J không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong văn bản trình bày ý kiến của bị đơn gửi cho Tòa án, anh Hwang Yun J trình bày:

Anh thống nhất về quá trình kết hôn cũng như mâu thuẫn vợ chồng giữa anh và chị Ph. Anh nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn do bất đồng về quan điểm sống, cách sống không hòa hợp dẫn đến xảy ra mâu thuẫn không thể giải quyết nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Ph. Về con chung: Anh và chị Ph không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung: Anh và chị Ph không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trần Thị Ph và bị đơn anh Hwang Yun J vắng mặt nhưng đều đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, xét thấy:

- Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền: Chị Trần Thị Ph có đơn đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng giải quyết việc ly hôn giữa chị và anh Hwang Yun J. Nguyên đơn, chị Ph hiện đang sinh sống tại Hải Phòng, Việt Nam, bị đơn anh Hwang Yun J hiện đang sinh sống tại Hàn Quốc, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37; điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn chị Ph và bị đơn anh Hwang Yun J đều vắng mặt tại phiên tòa và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

- Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Ph và anh Hwang Yun J kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 26 tháng 6 năm 2018 tại Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh B, thành phố Hải Phòng. Sau khi kết hôn, chị Ph có sang Hàn Quốc để chung sống cùng anh Hwang Yun J, nhưng trong quá trình chung sống, vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống dẫn đến cãi vã. Sau một thời gian chung sống cùng anh Hwang Yun J, chị Ph đã về Việt Nam; từ đó, anh chị không còn liên lạc với nhau, vợ chồng đã sống ly thân, không ai quan tâm đến cuộc sống của ai. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Ph và anh Hwang Yun J đã trầm trọng, mục

đích hôn nhân không đạt được, không có khả năng đoàn tụ, cần áp dụng Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ph.

[4] Về con chung: Chị Ph và anh Hwang Yun J không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Chị Ph và anh Hwang Yun J không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị Ph là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Chị Ph và anh Hwang Yun J được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; khoản 4 Điều 147; Điều 207; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 273; điểm d khoản 1 Điều 469; Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Ph

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Ph được ly hôn anh Hwang Yun J.

2. Về con chung: Chị Ph và anh Hwang Yun J không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung: Chị Ph và anh Hwang Yun J không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị Ph phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai số **0000061 ngày 26 tháng 10 năm 2021** tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị Ph đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Chị Trần Thị Ph được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Anh Hwang Yun J được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- UBND huyện Vĩnh B, TP Hải Phòng;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Ngọc Dũng

